

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HC-ST

Ngày: 31/8/2018

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính áp giá bồi thường khi
thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Lâm Nhật Phương.

Bà: Trương Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 13/2018/TLST-HC ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2018/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa:

- Người khởi kiện: Ông Cao Minh H, cư trú tại đường C, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Nguyễn Kim P; cư trú tại đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/2/2018, bản tự khai ngày 07/4/2018, người khởi kiện ông Cao Minh H trình bày:

Năm 1995, gia đình ông được Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00890/AT tại thửa đất số 208; 15 tờ bản đồ số 113, diện tích 638,4 m². Trong đó ODT 449 m² và CLN 189,4 m², tọa lạc tại phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đến năm 2010, gia đình ông bị thu hồi 599,6 m² để thực hiện dự án xây dựng đại lộ V (làm đường M – Sân bay T) nên đất còn lại chỉ 38,8 m².

Khi quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường T thì thửa đất 38,8 m² của ông H có 24,7 m² nằm trong phạm vi giải tỏa, còn lại 14,1 m² nằm ngoài giải phóng mặt bằng.

Ngày 03/8/2015 ông làm đơn yêu cầu Hội đồng bồi thường thu hồi số đất còn lại, đến ngày 08/9/2015 Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 3264/QĐ-UBND thu hồi hết diện tích 38,8 m², trong đó có 14,1 m² nằm ngoài giải phóng mặt bằng. Ngày 09/9/2015, Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 3292/QĐ-UBND bồi thường cho ông H: 5.000.000 đồng/m² x 38,8 m² = 194.000.000 đồng. Ông H cho rằng áp giá bồi thường bằng tiền nhưng không đúng giá đất của loại đất thu hồi gây thiệt hại cho ông 135.800.000 đồng.

Ngày 03/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn 1620/UBND-XDCB về việc thông báo kết quả rà soát đơn kiến nghị của ông Cao Minh H bị ảnh hưởng bởi công trình nâng cấp, mở rộng đường T. Đến ngày 18/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 3523/UBND-TCĐ về việc trả lời đơn của ông Cao Minh H. Không đồng ý với trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B nên ông Cao Minh H khởi kiện yêu cầu hủy 02 công văn trên nên.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có văn bản trình bày:

Ngày 26/12/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND về việc mức giá các loại đất năm 2013 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong đó các tuyến đường thuộc công trình có thay đổi về đơn giá đất (giá đất ODT mặt tiền đường T đoạn V đến hẻm 162, đường Tr là 3.000.000 đồng).

Ngày 01/11/2013, Hội đồng thẩm định thành phố ban hành Công văn số 1700/HĐTĐ gửi Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh phương án tổng thể công trình: Đối với các hộ dân chưa nhận tiền về đất áp dụng theo

Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012, trong đó có hộ ông Cao Minh H.

Ngày 18/12/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có Công văn số 6165/UBND-XDĐT về việc chấp thuận điều chỉnh phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo giá đất quy định tại Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đối với 122 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường do chậm chi trả theo đề xuất của Hội đồng thẩm định thành phố tại Công văn số 1700/HĐTĐ ngày 01/11/2013.

Ngày 03/8/2015, ông Cao Minh H có đơn gửi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đề nghị thu hồi diện tích đất còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thu hồi.

Ngày 08/9/2015, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3264/QĐ-UBND về việc thu hồi 38,8 m², loại đất ODT (trong đó có 14,1 m² nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng đường T) để nâng cấp mở rộng đường T.

Ngày 09/9/2015, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3291/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc cho các hộ dân bị ảnh hưởng công trình trong đó ông Cao Minh H được phê duyệt với tổng kinh phí là 194.000.000 đồng. Ông H đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng phần bị ảnh hưởng công trình (ngày 31/12/2015) còn phần nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng chưa bàn giao.

Ngày 03/4/2017, ông Cao Minh H gửi đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân quận B yêu cầu bồi thường về đất theo đơn giá đất năm 2015. Đến ngày 03/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 1620/UBND-XDCB về việc thông báo kết quả rà soát đơn kiến nghị của ông Cao Minh H bị ảnh hưởng bởi công trình nâng cấp, mở rộng đường T.

Ngày 19/11/2017, ông Cao Minh H có đơn đề nghị bồi thường bổ sung số tiền còn thiếu 135.000.000 đồng theo giá đất năm 2015, nếu không bồi thường bổ sung thì đề nghị công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14,1 m². Đến ngày 18/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 3523/UBND-TCD về việc trả lời đơn cho ông Cao Minh H.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B cho rằng việc trả lời đơn của ông Cao Minh H là đúng với quy định. Còn về nội dung thì công trình nâng cấp mở rộng đường T (nhánh B) phê duyệt phương án bồi thường năm 2010 và điều chỉnh phương án bồi thường năm 2013. Căn cứ Khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai năm 2013 và Công văn 6165/UBND-XDĐT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân

dân thành phố Cần Thơ thì trường hợp của ông H thuộc đối tượng các hộ dân chưa nhận tiền về đất áp dụng theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012. Do đó, áp giá bồi thường về đất cho ông H theo đơn giá đất tại Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 là đúng theo quy định. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Minh H.

Vụ việc được Tòa án tiến hành đối thoại nhưng không được nên đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng các quyết định và văn bản bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và áp dụng đúng các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, cũng như trình bày của người khởi kiện tại phiên tòa, xét thấy quyết định thu hồi đất năm 2015 và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường năm 2015 nhưng lại áp giá bồi thường năm 2013, do đó, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của các bên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và người bị kiện; quan điểm của kiểm sát viên, nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 15/01/2018, ông Cao Minh H có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy Công văn 1620/UBND-XDCB ngày 03/7/2017 và Công văn số 3523/UBND-TCĐ ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Xét đây là khiếu kiện quyết định hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại

Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu hủy Công văn 1620/UBND-XDCB ngày 03/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (Gọi tắt là Công văn 1620)*

- *Về thẩm quyền ban hành:*

Công văn 1620 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- *Về trình tự thủ tục ban hành:*

Ngày 03/4/2017, ông Cao Minh H có đơn kiến nghị gửi đến Ủy ban nhân dân quận B xem xét sớm giải quyết bồi thường đúng và đủ theo giá đất Nhà nước quy định. Đơn kiến nghị này được xem là đơn khiếu nại theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011 và yêu cầu khiếu nại có liên quan đến Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 về việc thu hồi đất của ông Cao Minh H để xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (nhánh B) (*Gọi tắt là Quyết định 3264*) và Quyết định 3291/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 24 hộ dân (trong đó có ông H) bị ảnh hưởng công trình nâng cấp, mở rộng đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (nhánh B) (*Gọi tắt là Quyết định 3291*).

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn 1620 ngày 03/7/2017 thông báo cho ông H kết quả giải quyết, trong đó căn cứ theo quy định tại Khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì khiếu nại của ông H không được thụ lý giải quyết do hết thời hiệu, thời hạn khiếu nại quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại mà ban hành công văn thông báo kết quả giải quyết là đúng trình tự, thủ tục và thể thức ban hành văn bản theo quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011.

- *Về nội dung:*

Mặc dù hết thời hiệu, thời hạn khiếu nại nhưng Ủy ban nhân dân quận B vẫn xem xét giải quyết nội dung khiếu nại của ông Cao Minh H. Để xem xét nội

dụng giải quyết bồi thường khi thu hồi đất của ông H thì cần phải xem xét các quyết định có liên quan bao gồm Quyết định số 3264 và Quyết định 3291.

Xét về nguồn gốc đất bị thu hồi, người khởi kiện và người bị kiện đều thống nhất diện tích đất của ông H là 38,8 m² loại đất ODT, trong đó có diện tích nằm trong phạm vi giải tỏa cần phải thu hồi đất để xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (nhánh B) là 24,7 m², diện tích còn lại là 14,1 m² (Bút lục 48).

Xét thấy, công trình nâng cấp mở rộng đường T (nhánh B) phê duyệt phương án bồi thường năm 2010 và điều chỉnh phương án bồi thường theo Công văn số 6165/UBND-XDĐT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chấp thuận điều chỉnh phương án bồi thường theo giá đất quy định tại Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Đến ngày 08/9/2015 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định 3264 để thu hồi đất của ông H và ban hành Quyết định 3291 ngày 09/9/2015 phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông H. Ủy ban nhân dân quận B căn cứ Khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai năm 2013 để viện dẫn cho việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định 3291 ngày 09/9/2015 phê duyệt kinh phí bồi thường về đất cho ông H theo đơn giá đất tại Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 là không đúng với quy định về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Bởi lẽ, Khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013 được hướng dẫn bởi Khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt”*. Trong trường hợp của ông H, quyết định thu hồi đất là Quyết định 3264 được ban hành ngày 08/9/2015 là thời gian sau ngày 01/7/2014 nên không thể áp dụng Khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013 để bồi thường.

Hơn nữa, quyết định thu hồi đất ngày 08/9/2015 là Quyết định 3264 và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường ngày 09/9/2015 là Quyết định 3291 nhưng theo đơn giá đất ngày 26/12/2012 của Quyết định 30/2012/QĐ-UBND là không đúng với nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất được quy định tại Khoản 2 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể*

của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Đáng lẽ ra, khi triển khai Công văn số 6165/UBND-XĐĐT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì Ủy ban nhân dân quận B phải ban hành ngay quyết định thu hồi đất theo Khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009 của Chính phủ hướng dẫn bổ sung Luật Đất đai năm 2003 thời điểm còn hiệu lực thi hành quy định. Nhưng ngược lại đến ngày 08/9/2015 Ủy ban nhân dân quận B mới ban hành quyết định thu hồi phần đất của ông Cao Minh H diện tích 38,80m² và đến 09/9/2015 mới ban hành Quyết định 3291 phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, nhưng lại áp dụng theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26/8/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ mà không xem xét Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định mức giá các loại đất định kỳ 05 năm (2015-2019) là chưa phù hợp gây thiệt thòi quyền lợi của người khởi kiện.

Vì vậy, Công văn 1620 có nội dung giải quyết đơn kiến nghị đề ngày 03/4/2017 của ông Cao Minh H và một phần của Điều 1 Quyết định 3291 kinh phí bồi thường cho ông Cao Minh H là 194.000.000 đồng là không đúng với quy định của pháp luật trong bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất cần phải hủy bỏ.

[3] Xét yêu cầu hủy Công văn 3523/UBND-TCD ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (Gọi tắt là Công văn 3523)

- *Về thẩm quyền ban hành:* Công văn 3523 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- *Về trình tự thủ tục ban hành:* Ông Cao Minh H có đơn đề nghị gửi đến Ủy ban nhân dân quận B bồi thường bổ sung số tiền còn thiếu 135.000.000 đồng theo giá năm 2015, nếu không bồi thường bổ sung thì đề nghị công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14,1 m². Đơn đề nghị này được xem là đơn khiếu nại theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011. Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn 3523 ngày 18/12/2017 để trả lời đơn cho ông H vì có tính chất tương tự như Công văn 1620 trước đó đã thông báo kết quả giải quyết cho ông H. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại mà ban hành công văn thông báo kết quả giải quyết là đúng trình tự, thủ tục và thể thức ban hành văn bản theo quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011.

- *Về nội dung*: Công văn 3523 trả lời căn cứ theo Công văn 1620 nên khi Công văn 1620 bị hủy bỏ thì Công văn 3523 cũng không còn giá trị nên cũng cần phải hủy bỏ.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Cao Minh H là có cơ sở. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 116; Khoản 1 Điều 158; Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Điều 9; Khoản 6 Điều 11; Khoản 1 Điều 18; Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011. Khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/ NĐ- CP. Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013. Khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Cao Minh H.

Hủy Công văn số 1620/UBND-XDCB ngày 03/7/2017, Công văn số 3523/UBND-TCD ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và hủy một phần của Điều 1 Quyết định 3291/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 24 hộ dân bị ảnh hưởng công trình nâng cấp, mở rộng đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (nhánh B), trong đó hủy phần kinh phí bồi thường cho ông Cao Minh H là 194.000.000 đồng.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải chịu 300.000 đồng. Người khởi kiện ông Cao Minh H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng phí đã nộp theo biên lai thu số 001093 ngày 15/3/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ sang thành án phí.

3/ Người khởi kiện có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCT;
- Cục THA DS TPCT;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hoàng Dũng